

Số: 04/BC-S74-HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO

**Của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016
về công tác quản lý, kinh doanh của công ty thực hiện Nghị quyết
ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 và kế hoạch SXKD năm 2016**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Sông Đà 7.04

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo công tác quản lý, sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 như sau:

I - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2015

1. Đánh giá chung tình hình hoạt động SXKD:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015, tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 đã nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất tại các công trình, dự án của Đơn vị. Tuy nhiên, do ảnh hưởng chung của nền kinh tế nên hoạt động SXKD của Công ty chưa hoàn thành một số mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã cơ bản kết thúc, nợ đọng vốn tại các công trình còn lớn, các công trình mới tham gia chưa phát huy hiệu quả, thị trường bán hàng đầu ra gặp rất nhiều khó khăn, giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào biến động bất thường... Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị, Bộ máy quản lý điều hành cùng với tinh thần lao động sản xuất khắc phục mọi khó khăn của tập thể CBCNV công ty, đã triển khai thực hiện các công tác và đạt được kết quả như sau:

- Hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, Thủy điện Huội Quảng, Thủy điện Bản Chát; đảm bảo chất lượng công trình xây dựng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của các dự án đó.

- Công tác sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được chú trọng, năng lực của bộ máy quản lý, điều hành các cấp, trình độ tay nghề công nhân kỹ thuật được nâng cao, quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.

- Công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm, mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh được đặc biệt quan tâm, từng bước tiếp cận, chọn lọc các công việc phù hợp, có hiệu quả và khả năng phát triển lâu dài để triển khai thực hiện.

- Sản xuất kinh doanh đạt một số chỉ tiêu kinh tế - tài chính đảm bảo, đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

2. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu đạt được:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2015 điều chỉnh	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	308,490	362,971	118%
2	Doanh số bán hàng	10 ⁹ đ	396,319	411,062	104%
3	Tiền về tài khoản	10 ⁹ đ	394,747	362,580	92%
4	Các khoản nộp NN	10 ⁹ đ	7,507	12,791	170%
5	Khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	14,706	14,692	99,9%
6	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	5,281	1,087	21%
-	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,47	0,29	19,8%
-	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế /Vốn điều lệ	%	8,80	1,81	20,6%
7	Giá trị đầu tư	10 ⁹ đ	-	-	-
8	Tổng quỹ lương	10 ⁹ đ	24,642	27,655	112%
9	Chi phí QLDN	10 ⁹ đ	8,241	9,522	116%
10	Tỷ lệ cổ tức	%	8	0	0

3. Tình hình thi công sản xuất tại các công trình, dự án:

3.1. Công trình thủy điện Lai Châu:

- Khối lượng sản xuất đá cát các loại là 438.259 m³/KH: 409.867 m³ đạt 107% KH năm.

- Khối lượng sản xuất bê tông là 146.103 m³/KH: 133.799 m³ đạt 109% KH năm.

- Hoàn thành tiến độ sản xuất, cung cấp vữa bê tông CVC tại công trình, đảm bảo hoạt động sản xuất cát đá các loại được liên tục, đáp ứng nhu cầu các đơn vị trên công trường.

3.2. Công trình thủy điện Huội Quảng:

- Khối lượng sản xuất đá cát các loại là: 112.543 m³/KH: 86.766 m³ đạt 130% KH năm.

- Đảm bảo sản xuất và cung cấp đủ vật liệu cát đá đáp ứng yêu cầu tiến độ công trình, cũng như cho các đơn vị khác tại khu vực lân cận.

3.3. Công trình thủy điện Bản Chát:

- Khối lượng sản xuất bê tông là: 19.201 m³/KH: 18.000 m³ đạt 107% KH năm.

- Hoàn thành tiến độ sản xuất, cung cấp vữa bê tông CVC tại công trình thủy điện Bản Chát cho các đơn vị, góp phần vào hoàn thành mục tiêu tiến độ công trình tham gia thi công.

3.4. Mỏ đá Bình Thanh, Cao Phong, Hòa Bình:

- Khối lượng khai thác đá hộc và sản xuất đá dăm các loại là: 25.351 m³/KH: 45.285 m³ đạt 56% KH năm.

- Hoạt động sản xuất và bán hàng tại mỏ đá Bình Thanh chủ yếu cung cấp cho thị trường tỉnh Hòa Bình và vùng phụ cận, phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng, mức độ cạnh tranh cao.

3.5. Mỏ đá Đạm Lét, Kỳ Thịnh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh:

- Khối lượng khai thác đá hộc và sản xuất, cung cấp đá dăm các loại là: 124.156 m³/KH: 183.051 m³ đạt 68% KH năm.

- Hoạt động sản xuất và bán hàng tại mỏ đá Hà Tĩnh chủ yếu cung cấp cho khu kinh tế Vũng Áng và vùng phụ cận, phụ thuộc rất nhiều vào tiến độ triển khai dự án của các nhà thầu chính trong khu kinh tế, cũng như các yếu tố thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng trên địa bàn vùng lân cận, mức độ cạnh tranh khốc liệt do “lượng cung” quá lớn so với “lượng cầu” của thị trường vật liệu xây dựng trên cùng địa bàn, cụ thể do những nguyên nhân sau:

+ Chi phí đầu tư ban đầu vào mặt bằng mỏ lớn (như: móng máy tường chắn, đường dây và trạm biến áp cấp điện, đường giao thông ra vào mỏ, nhà kho xưởng, nhà ở làm việc... để phục vụ cho 02 dây chuyền trạm nghiền hoạt động). Mặt khác, cấu tạo địa chất của mỏ Đạm Lét có lớp đất phủ lớn (trung bình khoảng 15m), nên chi phí bóc tầng phủ mỏ đến tầng đá khai thác rất lớn, quảng tải nhiều lần do biện

pháp, dẫn tới suất đầu tư cao, làm tăng giá thành sản xuất, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm.

+ Trong tình trạng “lượng cung” vượt quá lớn so với “lượng cầu” thì các đơn vị Nhà thầu trong khu kinh tế Vũng Áng (như: Sam Sung C&T; Bê tông Khải Hoàng; Liên Thành; Phú Doanh; Cty Thanh Thành Phát,...) đưa ra rất nhiều các chiêu thức để ép giá, hạ giá mua đá xây dựng của các mỏ, dẫn tới giá bán đầu ra liên tục giảm, các mỏ đua nhau giảm giá để cạnh tranh với nhau, và xảy ra cạnh tranh không lành mạnh, khi đó các nhà thầu chỉ nhập đá của mỏ nào có giá thấp nhất.

+ Việc tham gia hợp tác khai thác, sản xuất với chủ mỏ vào thời điểm khu Kinh tế Vũng Áng đã đi vào giai đoạn cuối của giai đoạn 1, sản lượng tiêu thụ đá sản phẩm không còn lớn. Vì vậy, sản lượng đầu ra không đạt được như tính toán ban đầu.

3.6. Sản xuất cung cấp vữa bê tông thương phẩm tại Hà Nội:

- Khối lượng sản xuất và cung cấp vữa bê tông là: 11.392 m³ cho các khách hàng.
- Tổ chức kiện toàn bộ máy, sản xuất ổn định để cung cấp vữa bê tông thương phẩm cho các đối tác trên địa bàn Thành phố Hà Nội và vùng phụ cận.

3.7. Công tác sắp xếp tổ chức quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

Trước nhiệm vụ và tình hình thi công sản xuất tại các công trình, dự án Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng một số mô hình tổ chức, quản lý áp dụng cho từng khu vực, cụ thể:

- Tại Lai Châu: Tổ chức quản lý điều hành tập trung, các Phân xưởng nghiền sàng, Phân xưởng sản xuất bê tông và Đội cơ giới phục vụ thi công sản xuất ổn định, đáp ứng tiến độ cũng như chất lượng sản phẩm tại công trình.

- Tại Hà Tĩnh, Hà Nội: Công ty đã thành lập các Ban chỉ huy công trường để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tổ chức giao nhận khoán cho Chỉ huy trưởng nhằm nâng cao hiệu quả, tăng tính chủ động trong hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Tại các công trình, dự án ở xa trụ sở Công ty như thủy điện Huội Quảng, thủy điện Bản Chát, mỏ đá Bình Thanh: Tổ chức giao nhận khoán trực tiếp cho các Đội, Phân xưởng để nâng cao hiệu quả và tăng tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với mô hình quản lý theo xu hướng mới.

II – HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

1. Đánh giá công tác quản lý công ty

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- HĐQT công ty thường xuyên tiến hành họp để kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD quý trước và bàn các biện pháp tổ chức thực hiện quý sau. Phê duyệt kết quả SXKD hàng quý, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch và định hướng trung, dài hạn.

- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Các quyết định mang tính chiến lược cũng như quyết định hàng ngày trong hoạt động SXKD luôn chính xác, kịp thời.

- Bộ máy quản lý của Công ty luôn đoàn kết, năng động, có trách nhiệm cao trong công việc được giao, là đơn vị có uy tín đối với Tổng công ty Sông Đà, các chủ đầu tư, tập thể người lao động.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

- Tổ chức sắp xếp định biên lại bộ máy điều hành của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn đảm bảo gọn nhẹ làm việc linh hoạt, kịp thời, nâng cao hiệu suất lao động phù hợp với mô hình quản lý của Công ty từng giai đoạn phát triển.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng mô hình quản lý áp dụng cho từng khu vực và từng lĩnh vực SXKD của Công ty phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các quy định của Pháp luật và các quyết định của HĐQT Công ty.

- Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến Ban kiểm soát các vấn đề thuộc chức năng và nhiệm vụ của HĐQT trước khi đưa ra các Nghị quyết, quyết định hoặc trình đại hội đồng cổ đông.

- Xây dựng kế hoạch phát triển SXKD của Công ty năm 2016 theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

3. Công tác tổ chức, cán bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2015 HĐQT đã ban hành 3 Nghị quyết và 34 Quyết định với các nội dung chủ yếu sau:

- + Kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch SX kinh doanh và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng Quý.
- + Thanh toán cổ tức năm 2013.
- + Các Quyết định về công tác tổ chức và cán bộ đã được HĐQT thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Điều lệ Công ty, trên nguyên tắc vì nhiệm vụ SXKD, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đơn vị, trên cơ sở năng lực, trình độ thực tế của cán bộ, đảm bảo đủ điều kiện đề bạt và bổ nhiệm.
- + Các Quyết định đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công, vay vốn của các tổ chức tín dụng.

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

1. Cơ sở xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016

- Định hướng, kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty cổ phần Sông Đà 7.04.

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng thi công đã ký với các Ban điều hành của Tổng công ty như: Dự án thủy điện Lai Châu, Huội Quảng.

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng hợp tác sản xuất kinh doanh đã ký với các đối tác của Công ty như tại: Mỏ đá Bình Thanh – Hòa Bình; Mỏ đá Đạm Lét – Hà Tĩnh; Mỏ đá Om Làng – Cao Dương – Lương Sơn – Hòa Bình; Công trình thủy điện Nậm Thi 1+2; Sản xuất vữa bê tông thương phẩm tại Hà Nội; Vận hành sản xuất bê tông trạm trộn nhiệt điện Thái Bình 2.

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng phục vụ thi công tại các dự án xây dựng thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A.

- Mục tiêu, tiến độ thi công, khối lượng chi tiết năm 2016 của các công trình, dự án mà Công ty đã và đang tham gia thi công.

- Dự báo tình hình kinh tế - xã hội chung của đất nước trong năm 2016.

2. Thuận lợi:

- Xe máy thiết bị thi công sản xuất được trang bị đầy đủ sau khi đã tham gia thi công các công trình lớn như Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát... nên có nhiều lợi thế trong việc tìm kiếm, lựa chọn, đấu thầu các công trình, dự án mới.

- Bộ máy quản lý điều hành hầu hết là những cán bộ trẻ, năng động, dám nghĩ, dám làm. Đội ngũ công nhân, cán bộ kỹ thuật có năng lực và tay nghề cao, có thể đáp ứng được yêu cầu năng lực tham gia thực hiện các công trình dự án mới.

3. Khó khăn:

- Khối lượng công việc của Công ty tại các công trình thủy điện Lai Châu, Huội Quảng còn lại rất ít, Công ty đã rất nỗ lực nhưng chưa tìm kiếm đủ công việc để đảm bảo phát huy được hết năng lực của xe máy thiết bị và con người hiện có.

- Định mức đơn giá các công trình, dự án trọng điểm Công ty tham gia thi công chưa có đơn giá thanh toán chính thức dẫn đến công tác thu vốn chậm, giá trị dở dang công nợ còn lớn.

- Các công trình chỉ định thầu của Tổng công ty đã cơ bản hoàn thành, cơ chế chỉ định thầu không còn nữa, nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh thời kỳ hậu các công trình chỉ định thầu.

- Hoạt động SXKD của Công ty tại khu vực Hà Tĩnh, Hòa Bình, Hà Nội phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố thị trường bên ngoài, mức độ cạnh tranh khốc liệt, phát sinh nhiều chi phí, tư duy và trình độ quản lý, tổ chức thi công sản xuất chưa thay đổi kịp thời để phù hợp với tình hình mới.

4. Các chỉ tiêu chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch SXKD năm 2016	Ghi chú
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	150,457	
2	Doanh số bán hàng	10 ⁹ đ	232,911	
3	Các khoản nộp Nhà nước	10 ³ đ	11,456	
4	Khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	5,584	
5	Tiền về tài khoản	10 ⁹ đ	316,961	
6	Lợi nhuận	10 ⁹ đ	- 9,654	
7	Vốn chủ sở hữu	10 ⁹ đ	130,726	
8	Vốn điều lệ	10 ⁹ đ	60	
9	Tổng quỹ lương	10 ⁹ đ	13,849	
10	Chi phí QLDN	10 ⁹ đ	4,619	
11	Tỷ lệ cổ tức	%	0	

5. Mục tiêu tiến độ, khối lượng chính tại các công trình, dự án năm 2016:

5.1. Công trình thủy điện Lai Châu:

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Sản xuất và cung cấp đá dăm, cát xay các loại đảm bảo chất lượng, đáp ứng kịp thời tiến độ thi công công trình, góp phần hoàn thành các mục tiêu tiến độ công trình mà chủ đầu tư yêu cầu.

- Tăng cường công tác thu hồi vốn và công nợ tại công trình khi có định mức đơn giá phê duyệt chính thức của chủ đầu tư.

*** Khối lượng chủ yếu:**

- Sản xuất và cung cấp đá dăm, cát xay các loại: 30.000 m³.
- Xuất bán hàng và thu vốn khoảng: 35.081 m³ đá các loại.

5.2. Công trình thủy điện Huội Quảng:

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Sản xuất và cung cấp đá dăm, cát xay các loại đảm bảo chất lượng, đáp ứng kịp thời tiến độ thi công công trình, góp phần hoàn thành các mục tiêu tiến độ công trình mà chủ đầu tư yêu cầu.

- Tăng cường công tác thu hồi vốn và công nợ tại công trình khi có định mức đơn giá phê duyệt chính thức của chủ đầu tư.

*** Khối lượng chủ yếu:**

- Sản xuất và cung cấp đá dăm, cát xay các loại: 30.000 m³.
- Xuất bán hàng và thu vốn khoảng: 38.034 m³ đá các loại.

5.3. Mỏ đá Bình Thanh, Cao Phong, Hòa Bình:

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường, đối tượng khách hàng nhằm tiêu thụ sản phẩm.

- Kiện toàn lại bộ máy quản lý, giám sát điều hành sản xuất tại mỏ đảm bảo hoạt động an toàn và đạt hiệu quả cao hơn.

- Thu hồi triệt để công nợ với các khách hàng, đối tác.

*** Khối lượng chủ yếu:**

- Khoan nổ khai thác đá hộc và sản xuất đá dăm các loại: 41.500 m³.
- Xuất bán hàng và thu vốn khoảng: 41.500 m³ đá các loại.

5.4. Mở đá khe Đạm Lét, Kỳ Thịnh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh:

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Thu gọn lại mô hình tổ chức sản xuất để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất trực tiếp, chi phí quản lý, đảm bảo sức cạnh tranh đặc biệt là cạnh tranh về giá và chất lượng sản phẩm, so với các doanh nghiệp khác trên cùng địa bàn.
- Tìm kiếm khách hàng mới, duy trì các mối khách hàng cũ đã có để tiêu thụ các loại đá sản phẩm còn tồn đọng để tăng thêm doanh thu bán hàng.
- Thu hồi triệt để công nợ với các khách hàng, đối tác.
- Xem xét, đánh giá chính xác tình hình thực tế tại dự án khu kinh tế Vũng Áng, cũng như nhu cầu tiêu thụ và lượng cung hàng hóa đá xây dựng trên địa bàn, để đề xuất kiến nghị các giải pháp tháo gỡ khó khăn và kế hoạch thực hiện tiếp theo tại mỏ.

*** Khối lượng thực hiện chủ yếu:**

- Khai thác đá hộc, sản xuất và cung cấp dăm cát các loại: 18.500 m³.
- Xuất bán hàng tồn kho khoảng: 36.610 m³ cát đá các loại.

5.7. Sản xuất và cung cấp vữa bê tông thương phẩm tại Hà Nội:

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm thị trường bán hàng, mở rộng đối tượng khách hàng.
- Đảm bảo hoạt động sản xuất vữa và cung cấp vữa bê tông liên tục, đáp ứng nhu cầu các đơn vị đối tác trên địa bàn Hà Nội và vùng phụ cận.
- Thu hồi triệt để công nợ tồn đọng với các khách hàng.

*** Khối lượng thực hiện chủ yếu:**

- Sản xuất và cung cấp vữa bê tông thương phẩm các loại: 60.000 m³.
- Cung cấp dịch vụ bơm bê tông và cho thuê xe máy phục vụ thi công theo nhu cầu.

5.8. Vận hành sản xuất vữa bê tông tại trạm trộn NM Nhiệt điện Thái Bình 2:

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Đảm bảo hoạt động tổ chức quản lý và vận hành sản xuất vữa bê tông liên tục, đáp ứng yêu cầu tiến độ mà đối tác và chủ đầu tư dự án yêu cầu.
- Thu hồi vốn phát sinh với đối tác hợp tác sản xuất kinh doanh tại dự án.

*** Khối lượng thi công chính:**

- Vận hành sản xuất vữa bê tông thương phẩm các loại: 50.000 m³.
- Cung cấp các dịch vụ cho thuê xe máy thiết bị phục vụ thi công theo nhu cầu.

5.9. Hợp tác khai thác, sản xuất, cung cấp đá xây dựng các loại tại mỏ đá Om Làng, Cao Dương, Lương Sơn, Hòa Bình:

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Đàm phán, ký kết hợp đồng chính thức với đối tác chủ mỏ về mô hình hợp tác khai thác, sản xuất kinh doanh tại mỏ đá khi đủ các điều kiện để thực hiện.
- Xây dựng các công trình phụ trợ như: Tường chắn, móng máy trạm nghiền; Đường dây và trạm biến áp cấp điện sản xuất và sinh hoạt; Đường giao thông ra vào mỏ; Trạm cân, trạm gác bảo vệ,.. để phục vụ dự án.
- Xây dựng các hạng mục lán trại nhà ở, điều hành sản xuất, nhà làm việc tại khu vực mỏ đá.
- Di chuyển, lắp đặt, chạy thử 02 dây truyền nghiền sàng với tổng công suất lắp đặt là 2 x 250 Tấn /h tại khu vực mỏ đá để phục vụ sản xuất.
- Quy hoạch mặt bằng mỏ, bóc tầng phủ mỏ, làm đường công vụ và triển khai tạo máng khai thác để triển khai dự án thực hiện theo kế hoạch.
- Tổ chức khoan nổ khai thác đá hộc và chế biến sản xuất các chủng loại đá xây dựng cung cấp cho thị trường.

*** Khối lượng thực hiện chủ yếu:**

- Thi công xây dựng các hạng mục phụ trợ trên diện tích khoảng: 4,0 ha mặt bằng mỏ.
- Di chuyển, lắp đặt 02 dây chuyền nghiền sàng với tổng trọng lượng khoảng: 400 Tấn thiết bị.
- Bóc tầng phủ, làm đường công vụ, tạo máng khai thác mỏ khoảng: 50.000 m³ đất đá các loại.
- Sản xuất và cung cấp đá xây dựng các loại: 70.000 m³.

5.10. Công trình thủy điện Nậm Thi 1 và 2 :

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Ổn định bộ máy hoạt động điều hành tổ chức thi công tại công trình đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện dự án.
- Cân đối bố trí xe máy thiết bị và nhân lực hợp lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công công trình thủy điện Nậm Thi 1 và 2.

- Tổ chức triển khai thi công các hạng công trình được giao đảm bảo an toàn lao động, chất lượng, tiến độ công trình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

*** Khối lượng thi công chính:**

- Đào đất các loại : 232.790 m³
- Đào, phá đá các loại : 193.230 m³
- Đắp đất các loại : 41.730 m³

5.11. Hoạt động cung cấp xi măng tại Công trình thủy điện Bảo Lâm 3 và 3A:

*** Nhiệm vụ trọng tâm năm 2016:**

- Cân đối tài chính, dự trù nguồn vốn, đảm bảo cung cấp xi măng đáp ứng tiến độ thi công Công trình thủy điện Bảo Lâm 3 và 3A.

- Ký hợp đồng với đối tác có năng lực để triển khai thực hiện cung cấp vật tư xi măng của nhà máy xi măng Quang Sơn (Đồng Hỷ, Thái Nguyên) phục vụ thi công dự án.

- Tổ chức quản lý và giao nhận hàng hóa tại công trường với khách hàng, đối chiếu số lượng, xuất hóa đơn bán hàng cho đối tác.

*** Khối lượng thực hiện chủ yếu:**

- Cung cấp xi măng Quang Sơn: 22.125 Tấn.

6. Một số giải pháp để triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2016

6.1. Giải pháp về Tổ chức - Quản lý điều hành:

- Rà soát để sắp xếp hợp lý công tác cán bộ, kiên quyết xử lý các cán bộ thiếu năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm và không tâm huyết với đơn vị.

- Xây dựng chiến lược quản trị nguồn nhân lực hợp lý, đảm bảo tuyển dụng và đào tạo được nguồn nhân có chất lượng cao, đủ số lượng bổ sung cho các đơn vị. Quan tâm chăm lo hơn nữa đến đời sống người lao động, khắc phục tình trạng bỏ việc tại các đơn vị.

- Tổ chức ký Hợp đồng giao khoán đến tổ, đội sản xuất và người lao động. Thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động trong Công ty theo quy định của Công ty, của Nhà nước.

- Xây dựng quy chế lương, thưởng phù hợp, công bằng trên cơ sở năng lực công tác và hiệu quả công việc của từng cá nhân, thực sự tạo được động lực làm việc và cống hiến cho CBCNV.

6.2. Giải pháp về Kỹ thuật - Công nghệ

- Tích cực nghiên cứu áp dụng các công nghệ thi công tiên tiến vào sản xuất; khuyến khích toàn thể CBCNV tích cực nghiên cứu có các sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng vào sản xuất.

- Thường xuyên kiểm tra tiến độ thi công, khối lượng thực hiện, chất lượng sản phẩm tại các Đơn vị theo tiến độ đã thỏa thuận, ký kết với Chủ đầu tư. Kịp thời điều chỉnh cho phù hợp các mục tiêu tiến độ chung.

6.3. Giải pháp về Vật tư - Cơ giới

- Cân đối bố trí đủ xe máy thiết bị tại các đơn vị đảm bảo ổn định sản xuất tại các và phù hợp với tiến độ thi công tại các công trình.

- Rà soát lại nội quy, quy định cụ thể về quản lý, vận hành, bảo dưỡng đối với từng chủng loại xe máy, thiết bị, đặc biệt những thiết bị công nghệ mới, hiện đại. Tổ chức hướng dẫn, phổ biến đến tổ đội sản xuất, thợ vận hành trong toàn đơn vị.

- Xử lý dứt điểm vật tư tồn đọng không có nhu cầu sử dụng, xe máy hư hỏng hoặc hoạt động không còn hiệu quả để thu hồi vốn đầu tư.

- Thường xuyên rà soát nhu cầu sử dụng thiết bị, xe máy tại các công trình. Điều động kịp thời các thiết bị, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thi công.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết công tác sửa chữa lớn cho từng đầu xe máy thiết bị đáp ứng năng lực thi công.

6.4. Giải pháp về Kinh tế - Kế hoạch

- Tập trung chỉ đạo, giải quyết thanh quyết toán xong công trình thủy điện Sơn La, nhà máy xi măng Mai Sơn.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết đến từng mục, hạng mục về công tác nghiệm thu thanh toán cho từng công trình.

- Xây dựng định mức, đơn giá giao khoán nội bộ năm 2016.

- Thực hiện triệt để công tác xây dựng giá thành và khoán đội thi công, đảm bảo hạch toán kinh tế hiệu quả.

- Tìm kiếm nguồn vốn phục vụ thi công dự án khai thác và SX VLXD tại mỏ đá xóm Rè, thuộc xã Cư Yên và xóm suối Cốc, thuộc xã Hợp Hòa, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư khi sản xuất và nhu cầu thi công có thay đổi để phục vụ sản xuất kinh doanh kịp thời và đảm bảo hiệu quả đầu tư.

6.5. Giải pháp về thị trường:

- Mở rộng thị trường, tìm kiếm các dự án đầu tư các dự án hợp tác, liên danh, liên kết để xây dựng và phát triển ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng.

- Mở rộng thị trường, tìm kiếm các dự án đầu tư các dự án hợp tác, liên danh, liên kết để xây dựng và phát triển ngành nghề sản xuất vật liệu xây dựng.

- Tích cực tìm kiếm, mở rộng các đối tượng khách hàng tại các khu vực Công ty tham gia sản xuất để nhằm tăng số lượng tiêu thụ sản phẩm hàng hóa là các loại vật liệu xây dựng.

6.6. Giải pháp Tài chính – Tín dụng:

- Chủ động cân đối, dự phòng đủ nguồn lực tài chính phục vụ đầu tư, thi công tại các công trình của đơn vị.

- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tín dụng, nhằm vay vốn trung, dài hạn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.7. Giải pháp về việc làm, đời sống và các phong trào thi đua:

- Đảm bảo bố trí đủ việc làm và thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV trong Công ty trên cơ sở năng suất lao động ngày càng được nâng cao.

- Tổ chức các phong trào thi đua, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao khuyến khích tinh thần hăng say lao động, tăng năng suất và hiệu quả kinh doanh. Tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước của Tổng Công ty, Ngành và Nhà nước phát động.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 704. Rất mong nhận được các ý kiến góp ý của Đại hội về bản báo cáo trên, nhằm hoàn thiện hơn nữa trong công tác quản lý, điều hành SXKD năm 2016 và các năm tiếp theo của Công ty.

Trên trong báo cáo và xin ý kiến thông qua của Đại hội./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Doanh